

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/01/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Nguyễn Thị Bắc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 549/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 264/43/24 Võ Văn Kiệt, phường Khánh Xuân, thành phố BMT, tỉnh Đ. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 1346 Trường Chinh, thôn IaRóc, phường Chi Lăng, thành phố P, tỉnh G. Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Đức T qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, cả hai đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân, thành phố BMT, tỉnh Đ vào năm 2013. Sau khi kết hôn chị H về nhà chồng ở tại số: 1346 đường Trường Chinh, phường Chi Lăng,

thành phố P, tỉnh G cùng với anh T. Thời gian đầu chị với anh T chung sống bình thường, nhưng đến khoảng thời gian năm 2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T không chăm lo làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn rồi sinh ra cãi nhau, anh T ăn chơi dẫn tới nợ nần, không quan tâm đến cuộc sống gia đình; chị H cùng con gái về nhà cha mẹ đẻ ở tỉnh Đ sinh sống, anh T có đến tỉnh Đ nơi hai mẹ con chị H ở vài lần, đến năm 2019 anh T ở luôn tỉnh G cho đến nay, mâu thuẫn giữa chị H và anh T trở nên trầm trọng hơn, không thể hàn gắn. Gia đình hai bên biết chuyện đã nhiều lần khuyên nhủ hàn gắn nhưng chị H và anh T vẫn không thể quay lại với nhau, cuộc sống ngày càng trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Thời gian chị H và anh T không sống chung với nhau cả hai không có sự quan tâm hay chăm sóc đến nhau, mạnh ai người đó sống; nay chị H không còn tình cảm yêu thương anh T nữa. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/10/2013. Con chung hiện đang ở với chị H, ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí ly hôn chị H tự nguyện chịu toàn bộ.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T có bản khai trình bày:

Về hôn nhân: anh T với chị Lâm Thị Ngọc H qua tự nguyện tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, cả hai đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân, thành phố BMT, tỉnh Đ vào năm 2013. Sau khi cưới nhau cả hai về ở tại số nhà 1346 Trường Chinh – Thôn Ma Rốc – Phường Chi Lăng – thành phố P, tỉnh G. Thời gian đầu cả hai thương yêu đùm bọc lẫn nhau và có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11-10-2013.

Vào khoảng năm 2018, bên phía gia đình của chị H ở tỉnh Đ có đám cưới đưa em gái, cả hai cùng con gái có về dự đám cưới, sau khi dự đám cưới xong chị H xin ở lại tỉnh Đ chơi với gia đình, còn anh T quay về G để chạy xe kiếm tiền nuôi vợ và con; tuy nhiên thời gian gần đây do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, giữa tỉnh G và tỉnh Đ không lưu thông qua lại, anh T không chạy xe nên không có tiền gửi sang cho chị H nuôi con, sau đó không hiểu lý do gì mà chị H đã làm đơn khởi kiện ly hôn. Mặc dù chị H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc ly hôn và khai không còn tình cảm với anh T, tuy nhiên anh T vẫn còn yêu thương chị H và muốn cháu Nguyễn Ngọc Thảo N không bị mất đi tình cảm gia đình, muốn con có đầy đủ cha mẹ để cùng nhau làm ăn nuôi con ăn học đến cùng. Anh T xin Tòa án xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa chị H với anh T, cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, thời gian ly thân cả hai không có sự quan tâm hay chăm sóc đến nhau, mạnh ai người đó sống, bản thân chị H không còn tình cảm yêu thương anh T vì lý do anh T không có trách nhiệm với vợ con; mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã được gia đình hai bên khuyên nhủ hàn gắn, nhưng mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, dẫn đến chị H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không thể kéo dài. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H. Về con chung, đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung, giao con chung Nguyễn Ngọc Thảo N cho chị Lâm Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, vì vậy không đề cập giải quyết. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lâm Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Đức T có địa chỉ tại thành phố P, tỉnh G. Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân, thành phố BMT, tỉnh Đ vào năm 2013 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Tại các buổi hòa giải anh Nguyễn Đức T rất có thiện chí muốn gia đình đoàn tụ, vì anh còn yêu thương chị H và muốn gia đình đầy đủ để cùng nhau nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thảo N trưởng thành. Về chị H thì xác định không còn yêu thương anh T, dẫn đến việc chị H nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài nên muốn được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

Mâu thuẫn gia đình đã xảy ra từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế khó khăn dẫn đến cãi nhau, dẫn đến mỗi người ở một nơi, thời gian mỗi người ở một nơi cả hai không có sự quan tâm hay chăm sóc đến nhau, gia đình hai

bên đã khuyên nhủ hàn gắn nhưng chị H cho rằng anh T không mang đến cho chị H có hạnh phúc của một gia đình, từ đó mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến chị H muốn được ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/10/2013 có nguyện vọng được ở với chị H và chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu N vì thời gian chị H, anh T sống ly thân cháu N do chị H trực

tiếp nuôi dưỡng; tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, qui định rõ về việc: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét về nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Thảo N và nguyện vọng của chị Lâm Thị Ngọc H thì việc giao con chung là Nguyễn Ngọc Thảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên là hợp lý.

Qua xác minh tại địa phương: Thôn IaRóc, phường Chi Lăng, thành phố P, tỉnh G về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H, địa phương không nắm rõ, chỉ biết chị H có về sống tại nhà chồng tại số nhà: 1346 Trường Chinh, Thôn IaRóc, phường Chi Lăng, thành phố P, tỉnh G sống với mẹ ruột anh T là bà Nguyễn Thị Lệ, nhưng khoảng hơn một năm nay chị H và con gái không còn trú tại địa phương, chị H và con gái hiện nay sống ở đâu thì địa phương không nắm rõ, vì gia đình không khai báo về nguyên nhân.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Hôn nhân giữa chị H với anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài khi mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị H được ly hôn anh Nguyễn Đức T. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Thảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc H.

Chị Lâm Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/10/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Buộc chị Lâm Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0000843, ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND TP.P;
- Chi cục THADS Tp.P;
- (UBND phường Khánh Xuân, TP BMT, tỉnh Đ; Số: 259/2013; Quyền số: 01/2013, ĐK ngày 27/11/2013).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

